TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2021/QĐST - KDTM	*Vinh, ngày 11 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31/12/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST - KDTM ngày 18/12/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: số 89 H, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị Thúy H, sinh năm 1986, Địa chỉ: tầng 16, tháp A, Tòa nhà 7 đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Là chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 3350/2020/UQ-VPB ngày 25/11/2020).

- Bị đơn Công ty A; Địa chỉ: Số 03, đường D, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1984, Địa chỉ: xóm 13, xã Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Là giám đốc Công ty.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1984 và bà Võ Thị Như Q, sinh năm 1983, Địa chỉ: xóm 13, xã Đ, thành phố V, Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nội dung: Công ty TNHH A công nhận còn nợ và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 31/12/2020 của Hợp đồng cho vay số NAN/19020 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 5859581-28119/NAN ngày 28/11/2019 là 509,444,047 đồng (Năm trăm linh chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng) (trong đó nợ gốc là 444,003,034 đồng và nợ lãi là 65,441,013 đồng)

Cụ thể: Số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số NAN/19020 ngày 27/11/2019 là 455.864.297 đồng (trong đó nợ gốc là 399,999,666 đồng và nợ lãi là 55,864,631 đồng). Số tiền nợ của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 5859581-28119/NAN ngày 28/11/2019 là 53.579.750 đồng (trong đó nợ gốc là 44,003,368 đồng và nợ lãi là 9,576,382 đồng)

Kể từ ngày 01/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số NAN/19020 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 5859581-28119/NAN ngày 28/11/2019 được ký kết giữa Công ty TNHH A và Ngân hàng TMCP V. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trường hợp Công ty TNHH A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Như Q có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thay cho Công ty TNHH A theo thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-19020 ngày 27/11/2019; Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-19020 ngày 27/11/2019; Hợp đồng bảo lãnh số 03/HĐBL/VPBANK-19020 ngày 11/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 04/HĐBL/VPBANK-19020 ngày 11/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Như Q.

- Về án phí: Công ty TNHH A phải chịu 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số AA/2020/0001253 ngày 17/12/2020

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qu y định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung